

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU AN

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH DNP



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH DNP
AUDITING - FINANCIAL CONSULTING Co., LTD
192 Chu Van An, Ward 26, Binh Thanh Dist., HCMC
Tel: 08.5110020-08.5110350 - Fax: 08.5110015
Email: dnp@vnn.vn

Số: 194/BCKT-DNP/2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị

Ban Giám Đốc

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (sau đây gọi tắt là "Bệnh viện") được lập ngày ngày 01 tháng 03 năm 2010 gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám Đốc Bệnh viện. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Trong phạm vi của cuộc kiểm toán này và do giới hạn thông tin về giá cả trên thị trường bất động sản, nên số liệu liên quan đến các giao dịch chuyển nhượng bất động sản thuyết minh tại phần ghi chú (1) và (3), mục V.2, trang 14, chúng tôi chỉ xem xét dựa trên hồ sơ, sổ sách kế toán cung cấp của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm 2009 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2010



Giám Đốc

TRẦN VĂN CÁT

Chứng chỉ KTV số 0157/KTV

Kiểm toán viên

BÙI TRUNG HIẾU

Chứng chỉ KTV số 1341/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		305.274.432.244	305.258.152.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.542.487.056	5.545.337.391
1. Tiền	111		18.542.487.056	5.545.337.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.769.325.704	293.363.803.341
1. Phải thu của khách hàng	131		1.213.707.429	278.849.505
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	277.471.001.867	271.002.231.191
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	84.616.408	22.082.722.645
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	7.380.167.786	5.857.259.329
1. Hàng tồn kho	141		7.380.167.786	5.857.259.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		582.451.698	491.752.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		579.951.698	479.652.247
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.500.000	12.100.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	200		262.350.244.437	256.844.742.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.283.601.922	81.961.486.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	82.583.601.922	80.545.667.210
- Nguyên giá	222		158.524.224.787	149.515.167.757
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(75.940.622.865)	(68.969.500.547)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	700.000.000	850.000.000
- Nguyên giá	228		2.500.000.000	2.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.800.000.000)	(1.650.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	565.818.798
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		174.520.000.000	171.320.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	174.520.000.000	171.320.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.546.642.515	3.563.256.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4.546.642.515	3.563.256.330
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		567.624.676.681	562.102.894.646



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		23.233.651.187	21.730.320.614
I. Nợ ngắn hạn	310		23.233.651.187	21.680.123.514
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả cho người bán	312		8.012.267.198	10.605.587.250
3. Người mua trả tiền trước	313		2.449.965.192	2.962.478.855
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.819.810.749	1.735.427.502
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	7.395.473.871	5.516.299.726
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	3.556.134.177	860.330.181
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	50.197.100
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	50.197.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		544.391.025.494	540.372.574.032
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	543.754.641.798	540.332.056.660
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		490.000.000.000	490.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.887.065.197	3.887.065.197
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.207.485.718	1.984.459.100
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.660.090.883	44.460.532.363
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	V.22	636.383.696	40.517.372
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		636.383.696	40.517.372
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		567.624.676.681	562.102.894.646



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ THẨM

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN HẢI NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	212.770.273.883	185.898.168.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3	VI.26	21.837.550	40.274.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.27	212.748.436.333	185.857.893.877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	154.588.105.933	129.007.461.774
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.160.330.400	56.850.432.103
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	12.299.378.494	14.103.096.987
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	124.010.000	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		98.227.133	118.025.236
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.978.766.601	19.101.025.261
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		50.258.705.160	51.734.478.593
11. Thu nhập khác	31		700.544.236	759.000.876
12. Chi phí khác	32		209.770.916	186.001.878
13. Lợi nhuận khác	40		490.773.320	572.998.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.749.478.480	52.307.477.591
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	5.089.387.597	7.846.945.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		45.660.090.883	44.460.532.363
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	830	808

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ THÂM

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN HẢI NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		211.977.604.025	187.434.062.459
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(209.234.676.326)	(72.555.502.198)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(69.550.008.004)	(63.239.101.533)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.607.451.071)	(11.001.623.794)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		103.203.078.033	243.256.796.772
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(24.917.173.680)	(56.123.918.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.871.372.977	227.770.713.452
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.973.601.806)	(73.646.078.265)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.200.000.000)	(165.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.299.378.494	14.103.096.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.125.776.688	(224.942.981.278)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	20.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của đơn vị đã phát hành	32		-	(20.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.997.149.665	2.827.732.174
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.545.337.391	2.717.605.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		18.542.487.056	5.545.337.391

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ THẨM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2010



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN HẢI NAM